

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ KINH MÔN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 30-7-2021
*V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ KINH MÔN, TỈNH HẢI DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Văn Phúc

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Chí Dụng và bà Đinh Thị Tin

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ly – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Kinh Môn tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thuý Diệp – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số: **43/ 2021/ TLST-HNGĐ** ngày **12** tháng **3** năm **2021** về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 30/6/2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 19/2021/QĐST-HNGĐ ngày 16/7/2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Chị Nguyễn Thị H**, sinh năm 1988; địa chỉ: **Số 133 NVC, khu HC, phường MT, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương; nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Khu T1 1, phường MT, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương.** Chị H có mặt.

2. Bị đơn: **Anh Nguyễn Minh T**, sinh năm 1999; nơi ĐKKHKT: **Khu 6, phường PT, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương; địa chỉ: Số 133 NVC, khu HC, phường MT, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương.** Anh T vắng mặt.

3. Người làm chứng: Bà Trương Thị L, sinh năm 1937 (là bà nội của anh T), địa chỉ: **Khu 6, phường PT, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương.** Bà L vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ghi ngày 11/01/2021, các tài liệu có trong hồ sơ, ý kiến trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn - chị H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: **Chị và anh Nguyễn Minh T** tự nguyện kết hôn, được UBND phường PT, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày **20/12/2019**. Trước khi kết hôn chị cũng có gia đình riêng,

con riêng và đã ly hôn. Sau khi kết hôn với anh T, anh chị chung sống không hạnh phúc mà thường xuyên mâu thuẫn. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do anh T thường xuyên chơi cờ bạc, quan hệ với người phụ nữ khác, không chịu làm ăn, không quan tâm, chăm lo đến gia đình vợ con. Gia đình và bản thân chị đã nhiều lần động viên, khuyên giải nhưng anh T không thay đổi dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng căng thẳng. Khoảng từ tháng 12/2020, chị đã về nhà bố mẹ đẻ tại khu T1 1, phường MT, thị xã Kinh Môn sinh sống đến nay, anh T vẫn ở nhà của 2 vợ chồng tại số nhà 133 NVC, KDC HC 1, phường MT, thị xã Kinh Môn. Sau khi ly thân, anh T ngày càng lún sâu vào chơi bời, nợ nần, thường xuyên bỏ nhà đi. Đến nay, chị xác định không thể đoàn tụ nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh T.

- *Về con chung*: Anh chị có 01 con chung là cháu Nguyễn Ngọc Minh T1, sinh ngày 19/01/2020, đang do chị chăm sóc, nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn, quan điểm của chị là được tiếp tục nuôi cháu Thư và tự nguyện không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung. Chị làm lao động tự do, thu nhập bình quân khoảng 05 triệu đồng/tháng.

- *Về tài sản, nợ chung*: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Toà án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án cũng như các văn bản tố tụng khác cho anh T. Tuy nhiên, anh không đến Tòa trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu của chị H mà nhờ chị H viết ý kiến của mình và anh T ký dưới sự chứng kiến của bà nội anh T là bà Trương Thị L. Theo đó, anh T nhất trí ly hôn với chị H, đồng ý để chị H tiếp tục nuôi con và nhất trí việc chị H không yêu cầu anh cấp dưỡng nuôi con. Anh đề nghị Tòa án xét xử vụ án vắng mặt anh.

Tại biên bản xác minh, ông Trưởng KDC HC 1, phường MT cho biết: Anh T, chị H sinh sống tại số nhà 133 NVC, KDC HC 1, có 01 con gái. Anh T kém chị H chục tuổi, quá trình anh chị chung sống ông không nắm được có mâu thuẫn gì hay không vì anh chị không đề nghị hoà giải. Hiện chị H không chung sống cùng anh T, gần đây anh T thường đi đâu đó, lâu lâu mới về nhà rồi lại đi.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn – chị H vẫn giữ nguyên quan điểm xin ly hôn với anh T, xin tiếp tục nuôi con và tự nguyện không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản.

Bị đơn – anh T đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ 2 không có lý do.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân thị xã Kinh Môn tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi nghị án, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng quy

định pháp luật. Nguyên đơn chấp hành đúng, bị đơn chưa chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của đương sự.

Về nội dung: Mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, đề nghị Tòa án xử chấp nhận yêu cầu của Nguyên đơn, cho chị H ly hôn anh T theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Về con chung: Giao cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng con chung là cháu Nguyễn Ngọc Minh T1, sinh ngày 19/01/2020 đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Chấp nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Về tài sản, nợ chung: Các bên không yêu cầu, nên không xem xét; Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 BLTTDS; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra công khai tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về Tố tụng:* Bị đơn – anh T có nơi cư trú tại phường MT, thị xã Kinh Môn, nên yêu cầu Ly hôn, tranh chấp về nuôi con của nguyên đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Anh T vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do, người làm chứng vắng mặt nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228, Điều 229 BLTTDS, HĐXX xét xử vắng mặt anh T và người làm chứng.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị H và anh T đủ điều kiện, tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền là hôn nhân hợp pháp.

[3] Căn cứ lời khai của nguyên đơn, ý kiến của bị đơn, biên bản xác minh và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở để xác định: Sau khi kết hôn, chị H và anh T xảy ra nhiều mâu thuẫn, vợ chồng không tôn trọng, quan tâm, giúp đỡ, chia sẻ với nhau. Gia đình và chị H đã động viên, hoà giải để vợ chồng khắc phục, cùng chung sống nhưng không thành. Anh T đã được Tòa án triệu tập hòa giải để vợ chồng đoàn tụ, tuy nhiên anh T không đến Tòa án để trình bày quan điểm và tham gia phiên hòa giải không có lý do. Tuy nhiên, anh T đã có bản trình bày ý kiến đồng ý ly hôn với chị H, nhất trí để chị H tiếp tục nuôi con và việc chị H tự nguyện không yêu cầu anh cấp dưỡng, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản. Điều đó thể hiện việc anh T không mong muốn vợ chồng đoàn tụ để xây dựng gia đình ấm no, hạnh phúc. Chị H sống ly thân với anh T từ đầu năm 2021 đến nay, vẫn cương quyết đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn. Như vậy, anh chị đã vi phạm quyền và nghĩa vụ của vợ chồng theo Điều

19 Luật HNGĐ, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, HĐXX chấp nhận yêu cầu của chị H, xử cho chị H ly hôn anh T là phù hợp quy định tại Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] *Về con chung*: Cháu Nguyễn Ngọc Minh T1, sinh ngày 19/01/2020, hiện đang do chị H chăm sóc, nuôi dưỡng, cháu Thư chưa đủ 36 tháng tuổi. Để đảm bảo việc ổn định, việc chăm sóc tốt nhất cần giao cháu Thư cho chị H tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi) là phù hợp; chị H làm lao động tự do, có thu nhập nên chấp nhận việc chị H tự nguyện không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại các điều 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[5] *Về tài sản chung, nợ chung*: Chị H, anh T đều không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] *Về án phí*: Chị H phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án.

[7] *Về quyền kháng cáo*: Chị H, anh T có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 35; Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 229; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị H.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị H ly hôn anh Nguyễn Minh T.

1.2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Ngọc Minh T1, sinh ngày 19/01/2020 cho chị H tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Chấp nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương theo biên lai số AA/2018/0004088 ngày 12/3/2021, chị H đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Nguyên đơn, bị đơn;
- VKSND thị xã Kinh Môn;
- UBND phường PT, thị xã Kinh Môn;
- Chi cục THADS thị xã Kinh Môn;
- Lưu hồ sơ, VP.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Đào Văn Phúc

